

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính
kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính
kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019



MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	2 - 4
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
- Bảng cân đối kế toán	7 - 8
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 34

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 4601039023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 19/03/2012 với số vốn điều lệ đăng ký lần đầu là 27.748.000.000 đồng. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ 3 ngày 19/12/2016 vốn điều lệ của Công ty được tăng lên là 415.000.000.000 đồng (tương ứng với 4.150.000 cổ phần), hiện nay Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần thay đổi lần thứ 4 ngày 28/3/2017. Trong năm 2019, Công ty quản lý và khai thác khám chữa bệnh 02 Bệnh viện là: Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên, địa chỉ tại số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên (được Bộ trưởng Bộ Y tế cấp Giấy phép hoạt động khám, chữa bệnh số 134/BYT-GPHĐ ngày 27/01/2014); và Bệnh viện Đa Khoa Yên Bình Thái Nguyên, địa chỉ tại xóm Chùa, xã Nam Tiến, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên (được Bộ trưởng Bộ Y tế cấp Giấy phép hoạt động khám, chữa bệnh số 261/BYT-GPHĐ ngày 04/12/2019).

2. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo tài chính này bao gồm các vị như sau:

Hội đồng Quản trị:

Họ và tên:

- Ông Hoàng Tuyên
- Ông Lê Xuân Tân
- Ông Lương Đình Hiền
- Ông Nguyễn Vũ Phương
- Ông Nguyễn Văn Thủy
- Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy
- Bà Nguyễn Thị Ngọc Thu

Chức vụ:

- Chủ tịch
- Thành viên
- Thành viên
- Thành viên
- Thành viên
- Thành viên
- Thành viên

Ban Tổng Giám đốc:

Họ và tên:

- Ông Lê Xuân Tân
- Ông Nông Minh Chức
- Ông Lương Đình Hiền
- Ông Lý Quốc Toàn
- Ông Nguyễn Văn Thủy
- Ông Lê Xuân Thủy
- Ông Trương Đồng Tâm

Chức vụ:

- Tổng Giám đốc
- Phó Tổng Giám đốc
- (i) Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 18/02/2020)
- Phó Tổng Giám đốc
- Phó Tổng Giám đốc
- Phó Tổng Giám đốc
- Phó Tổng Giám đốc

(i): Theo Quyết định số 136/QĐ-HĐQT ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng quản trị

Người đại diện theo pháp luật:

Ông Hoàng Tuyên

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở chính tại: Số 328 Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán đính kèm.

5. Sự kiện quan trọng phát sinh trong năm tài chính

Bệnh viện Đa Khoa Yên Bình Thái Nguyên (thuộc Công ty cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên), địa chỉ tại xóm Chùa, xã Nam Tiến, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên được Bộ trưởng Bộ Y tế cấp Giấy phép hoạt động khám, chữa bệnh số 261/BYT-GPHĐ ngày 04/12/2019 và chính thức đi vào hoạt động ngày 13/12/2019.

Ngày 14 tháng 11 năm 2019, Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước đã có Công văn số 6885/UBCK-GSĐC về việc Đăng ký hồ sơ công ty đại chúng của Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên.

6. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Đến ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

7. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty.

8. Công bố trách nhiệm của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Hội đồng Quản trị Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Hội đồng Quản trị Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Hội đồng Quản trị Công ty xác nhận rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

9. Ý kiến của Hội đồng Quản trị

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thái Nguyên, ngày 29 tháng 5 năm 2020

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



HOÀNG TUYẾN

Số: 50/2020/BCKT- PKF.NHN

Hà Nội, ngày 29 tháng 5 năm 2020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên được lập ngày 29 tháng 5 năm 2020, bao gồm: Bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 7 đến trang 34 kèm theo.

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng Quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



Chu Quang Tùng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1022-2018-242-1

Hoàng Văn Anh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2917-2019-242-1

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYỄN

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mẫu số B 01 – DN

Tại ngày 31 ngày 12 tháng 2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		340.934.711.955	203.004.561.672
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	966.319.232	997.220.195
Tiền	111		966.319.232	997.220.195
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		335.330.388.230	198.643.040.374
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	174.118.025	174.142.724
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	335.021.136.734	176.344.993.127
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	135.133.471	22.123.904.523
Hàng tồn kho	140	5.6	4.638.004.493	3.196.731.404
Hàng tồn kho	141		4.638.004.493	3.196.731.404
Tài sản ngắn hạn khác	150		-	167.569.699
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.10	-	167.569.699
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		539.018.492.675	312.044.041.359
Các khoản phải thu dài hạn	210		4.150.000.000	15.000.000.000
Phải thu về cho vay dài hạn	215	5.5	4.150.000.000	15.000.000.000
Tài sản cố định	220		415.555.378.486	65.052.561.894
Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	401.731.966.743	59.811.103.561
- Nguyên giá	222		418.353.627.334	71.103.626.071
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(16.621.660.591)	(11.292.522.510)
Tài sản cố định vô hình	227	5.9	13.823.411.743	5.241.458.333
- Nguyên giá	228		14.340.000.000	5.450.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(516.588.257)	(208.541.667)
Tài sản dở dang dài hạn	240		104.220.014.558	229.574.681.217
Chi phí XD/CB dở dang	242	5.7	104.220.014.558	229.574.681.217
Tài sản dài hạn khác	260		15.093.099.631	2.416.798.248
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	15.093.099.631	2.416.798.248
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		879.953.204.630	515.048.603.031

Báo cáo tài chính này phải được đọc chung với các thuyết minh kèm theo

7

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Mẫu số B 01 – DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
NỢ PHẢI TRẢ	300		351.420.168.224	75.347.439.862
Nợ ngắn hạn	310		98.412.770.594	49.257.978.986
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	20.741.882.325	9.719.671.231
Người mua trả tiền trước	312	5.15	6.702.406.201	5.035.484.514
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	4.349.216.905	4.549.352.963
Phải trả người lao động	314		4.465.885.774	1.664.841.202
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	46.787.026	3.800.196.603
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.11	62.106.592.363	24.488.432.473
Nợ dài hạn	330		253.007.397.630	26.089.460.876
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.13	2.380.000.000	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.11	250.627.397.630	26.089.460.876
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		528.533.036.406	439.701.163.169
Vốn chủ sở hữu	410	5.17	528.533.036.406	439.701.163.169
Vốn góp của chủ sở hữu	411		415.000.000.000	350.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		415.000.000.000	350.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		113.533.036.406	89.701.163.169
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		24.701.163.169	8.309.552.601
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		88.831.873.237	81.391.610.568
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		879.953.204.630	515.048.603.031

Thái Nguyên, ngày 29 tháng 5 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

CHỦ TỊCH HĐQT





NGUYỄN THU THỦY

LÊ THỊ THÚY AN

HOÀNG-TUYÊN

Báo cáo tài chính này phải được đọc chung với các thuyết minh kèm theo

8

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mẫu số B 02 – DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	275.448.933.320	269.650.034.832
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		275.448.933.320	269.650.034.832
Giá vốn hàng bán	11	6.2	167.022.154.356	176.662.486.606
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		108.426.778.964	92.987.548.226
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	4.740.652	3.258.811
Chi phí tài chính	22	6.4	8.392.045.670	3.860.566.959
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		8.392.045.670	3.860.566.959
Chi phí bán hàng	25	6.5	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	6.462.577.738	3.242.409.640
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		93.576.896.208	85.887.830.438
Thu nhập khác	31	6.6	13.600.000	-
Chi phí khác	32	6.7	240.754.346	8.800.000
Lợi nhuận khác	40		(227.154.346)	(8.800.000)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		93.349.741.862	85.879.030.438
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	4.517.868.625	4.487.419.870
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		88.831.873.237	81.391.610.568
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	2.141	2.325

Thái Nguyên, ngày 29 tháng 5 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

CHỦ TỊCH HĐQT





NGUYỄN THU THỦY

LÊ THỊ THÚY AN

HOÀNG TUYỀN

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Mẫu số B 03 – DN

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

KHOẢN MỤC	Mã số	Năm 2019	Năm 2018
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SX KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	93.349.741.862	85.879.030.438
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.637.184.671	3.464.726.777
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(4.740.652)	(3.258.811)
Chi phí lãi vay	06	8.392.045.670	3.860.566.959
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	107.374.231.551	93.201.065.363
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(136.687.347.856)	(21.686.726.788)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(1.441.273.089)	(1.166.361.475)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không bao gồm lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11	46.547.311.098	(12.460.608.864)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(12.508.731.684)	9.346.607
Tiền lãi vay đã trả	14	(8.392.045.670)	(3.860.566.959)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4.987.419.870)	(62.834.002)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(10.095.275.520)	53.973.313.882
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(262.946.462.739)	(42.078.107.944)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(4.150.000.000)	(15.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	15.000.000.000	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.740.652	3.258.811
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(252.091.722.087)	(57.074.849.133)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	383.488.184.686	36.756.386.189
Tiền trả nợ gốc vay	34	(121.332.088.042)	(44.792.550.336)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	262.156.096.644	(8.036.164.147)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50	(30.900.963)	(11.137.699.398)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	997.220.195	12.134.919.593
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	966.319.232	997.220.195

Thái Nguyên, ngày 29 tháng 5 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

CHỦ TỊCH HĐQT





NGUYỄN THU THỦY

LÊ THỊ THÚY AN

HOÀNG TUYÊN

Báo cáo tài chính này phải được đọc chung với các thuyết minh kèm theo

10

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 – DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 4601039023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 19/03/2012 với số vốn điều lệ đăng ký lần đầu là 27.748.000.000 đồng. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ 3 ngày 19/12/2016 vốn điều lệ của Công ty được tăng lên là 415.000.000.000 đồng (tương ứng với 4.150.000 cổ phần), hiện nay Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần thay đổi lần thứ 4 ngày 28/3/2017. Trong năm 2019, Công ty quản lý và khai thác khám chữa bệnh 02 Bệnh viện là: Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên, địa chỉ tại số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên (được Bộ trưởng Bộ Y tế cấp Giấy phép hoạt động khám, chữa bệnh số 134/BYT-GPHĐ ngày 27/01/2014); và Bệnh viện Đa Khoa Yên Bình Thái Nguyên, địa chỉ tại xóm Chùa, xã Nam Tiến, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên (được Bộ trưởng Bộ Y tế cấp Giấy phép hoạt động khám, chữa bệnh số 261/BYT-GPHĐ ngày 04/12/2019).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

Hoạt động chính của Công ty là: khám, chữa bệnh.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp:

Công ty có trụ sở chính tại: số 328 Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Đơn vị trực thuộc:

Công ty có 02 đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc là:

- Chi nhánh Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên có địa chỉ tại số nhà 328, đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên, hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động Chi nhánh mã số 4601039023 – 001
- Chi nhánh Bệnh viện Đa Khoa Yên Bình có địa chỉ tại xóm Chùa, xã Nam Tiến, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động Chi nhánh mã số 4601039023 – 002.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2019, tổng số cán bộ nhân viên Công ty là 532 người (tại ngày 31/12/2018 là 278 người).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

3. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018 của Công ty.

4.1. Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Hội đồng Quản trị Công ty phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.3. Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán từ 01 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ 06 tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

4.5.2 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định vô hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của Công ty như sau:

- Phần mềm máy tính: 08 – 20 năm

4.6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng của Nhà nước, các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành và mua sắm máy móc, thiết bị hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền về quản lý đầu tư phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về các công trình xây dựng cơ bản và mua sắm máy móc thiết bị này sẽ phụ thuộc vào phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.

4.7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của công ty bao gồm giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ, dụng cụ y tế, vật tư y tế,... Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

4.8. Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán từ 01 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 01 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

4.9. Chi phí đi vay và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm trừ

trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết và sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán ra đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính.

Chi phí đi vay được vốn hóa trong năm tài chính không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong năm tài chính. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hóa trong từng năm không vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong năm tài chính đó.

4.10. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư ban đầu của Công ty được ghi nhận theo giá trị vốn góp của các bên góp vốn. Trong quá trình hoạt động, vốn đầu tư của Công ty được ghi nhận tăng lên theo giá trị vốn góp tăng lên của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các bên góp vốn sau khi được thông qua bởi Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông tại Cuộc họp cổ đông thường niên. Cổ tức được chia từ lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ góp vốn của từng cổ đông.

4.11. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được khách hàng chấp nhận.
- (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

4.12. Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay không được vốn hoá theo quy định, và các chi phí tài chính khác phát sinh trong năm tài chính.

4.13. Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Dịch vụ y tế do Công ty cung cấp không chịu thuế giá trị gia tăng. Các hoạt động khác ngoài dịch vụ y tế chịu thuế suất thuế GTGT là 10%.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Thu nhập từ dịch vụ khám, chữa bệnh phát sinh tại Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên (địa chỉ, số 328 Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên) được hưởng ưu đãi với mức thuế suất là 10% trong suốt thời gian hoạt động, được miễn 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp cho 05 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế. Các khoản thu nhập ngoài hoạt động khám, chữa bệnh áp dụng mức thuế suất là 20%. Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019 thu nhập từ hoạt động khám, chữa bệnh phát sinh tại Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên đang được giảm 50% số thuế phải nộp.

Thu nhập từ dịch vụ khám, chữa bệnh phát sinh tại Bệnh viện Đa Khoa Yên Bình (địa chỉ, xóm Chùa, xã Nam Tiến, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên) được hưởng ưu đãi với mức thuế suất là 10% trong suốt thời gian hoạt động, được miễn 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp cho 05 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế. Các khoản thu nhập ngoài hoạt động khám, chữa bệnh áp dụng mức thuế suất là 20%. Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019, thu nhập từ hoạt động khám, chữa bệnh phát sinh tại Bệnh viện Đa Khoa Yên Bình Thái Nguyên đang được miễn thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành: Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập, chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

4.14. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

4.15. Các bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 "Thông tin về các bên liên quan" được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC "Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính" ban hành ngày 31/12/2007, cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

		31/12/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
Tiền mặt tại quỹ	(i)	171.675.988	324.307.154
Tiền gửi ngân hàng	(ii)	794.643.244	672.913.041
Cộng		966.319.232	997.220.195

(i) Số dư tiền mặt tại quỹ tại ngày 31/12/2019 bao gồm:

	Nguyên tệ	VND
Ngoại tệ		-
Đồng Việt Nam		171.675.988
Cộng		171.675.988

(ii) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2019 bao gồm:

	Nguyên tệ	VND
Đồng Việt Nam		794.643.244
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên		45.684.755
Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Thái Nguyên		30.077.396
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Thái Nguyên		42.353.960
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Thái Nguyên		34.059.643
Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên		622.185.888
Các ngân hàng khác		20.281.602
Ngoại tệ		-
Cộng		794.643.244

5.2 Phải thu khách hàng

		31/12/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
a) Ngắn hạn		174.118.025	174.142.724
Bệnh viện trường đại học Y Khoa		-	72.870.000
Tổng Công Ty Bảo Việt Nhân Thọ		68.473.000	-
Ngân hàng thương mại Cổ phần Tiên Phong		25.600.000	-
Các khoản phải thu khách hàng khác		80.045.025	101.272.724
b) Dài hạn		-	-
Cộng		174.118.025	174.142.724

5.3 Trả trước cho người bán

	31/12/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	335.021.136.734	-	176.344.993.127	-
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển ATC Việt Nam	209.499.618.051	-	167.388.119.000	-
Công ty Cổ phần Thăng Long HDI	3.697.563.614	-	2.628.090.627	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Bắc Thái	-	-	1.125.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại - Kỹ thuật Vimetech	-	-	3.208.500.000	-
Công ty TNHH Xuân Thủy	109.019.957.569	-	-	-
Các khách hàng khác	12.803.997.500	-	1.995.283.500	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	335.021.136.734	-	176.344.993.127	-

Trả trước cho người bán là các bên liên quan:

Tên Công ty	31/12/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
Công ty Cổ phần Thăng Long HDI	3.697.563.614	2.628.090.627
Công ty TNHH Xuân Thủy	109.019.957.569	-
Cộng	112.717.521.183	2.628.090.627

5.4 Phải thu khác

	31/12/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	135.133.471	-	22.123.904.523	-
Tạm ứng	1.500.000	-	22.000.000.000	-
Phải thu khác	133.633.471	-	123.904.523	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	135.133.471	-	22.123.904.523	-

5.5 Phải thu về cho vay

	31/12/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	-	-	-	-
b) Dài hạn	4.150.000.000	-	15.000.000.000	-
Bà Ngô Thị Ánh	-	-	6.000.000.000	-
Ông Nguyễn Tuấn Thuận	-	-	9.000.000.000	-
(i) Bà Phạm Thị Hiền	450.000.000	-	-	-
(ii) Ông Vũ Văn Đại	3.700.000.000	-	-	-
Cộng	4.150.000.000	-	15.000.000.000	-

(i) Bệnh viện cho bà Phạm Thị Hiền vay 450.000.000 đồng theo Hợp đồng đầu tư số 680/2019/HĐKT-BVQTTN ngày 31/12/2019. Thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày giải ngân. Mục đích cho vay để thực hiện hoàn thiện các nội dung đầu tư nhà ăn tại Bệnh viện Yên Bình. Lãi suất cho vay là 10%/năm, tính từ khi nhà ăn được bàn giao và đi vào hoạt động.

(ii) Bệnh viện cho ông Vũ Văn Đại vay 3.700.000.000 đồng theo Hợp đồng đầu tư số 673/2019/HĐKT-BVQTTN ngày 31/12/2019. Thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày giải ngân. Mục đích cho vay để thực hiện hoàn thiện các nội dung đầu tư nhà ăn tại Bệnh viện Yên Bình. Lãi suất cho vay là 10%/năm, tính từ khi nhà ăn được bàn giao và đi vào hoạt động.

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Thuốc, vật tư y tế, hóa chất y tế	4.638.004.493	-	3.196.731.404	-
Cộng	4.638.004.493	-	3.196.731.404	-

5.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
Mua sắm:	-	-
Xây dựng cơ bản:	104.220.014.558	229.574.681.217
<i>Dự án đầu tư, xây dựng bệnh viện Đa khoa Yên Bình</i>	-	185.902.292.217
<i>Dự án đầu tư, xây dựng bệnh viện Quốc tế giai đoạn 2 (*)</i>	104.220.014.558	43.672.389.000
Cộng	104.220.014.558	229.574.681.217

(*) Dự án xây dựng Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên giai đoạn 2, tại phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên được UBND tỉnh Thái Nguyên cấp Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh theo Quyết định số 2282/QĐ-UBND ngày 27/7/2019 của Ủy Ban Nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYỄN

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B 09 – DN

5.8 Tặng, giảm tài sản có định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc (VND)	Máy móc, trang thiết bị (VND)	Phương tiện vận tải, truyền dẫn (VND)	Thiết bị vấn phòng (VND)	Tổng cộng (VND)
NGUYỄN GIÁ					
Số dư tại ngày 01/01/2019	32.766.519.016	37.080.392.455	1.190.000.000	66.714.600	71.103.626.071
- Mua trong năm	13.291.723.020	71.601.082.500	7.536.706.684	-	92.429.512.204
- Đầu tư XDCB hoàn thành	254.820.489.059	-	-	-	254.820.489.059
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2019	300.878.731.095	108.681.474.955	8.726.706.684	66.714.600	418.353.627.334
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại ngày 01/01/2019	3.485.241.559	7.278.376.864	499.861.112	29.042.975	11.292.522.510
- Khấu hao trong năm	1.210.746.247	3.788.923.853	322.796.521	6.671.460	5.329.138.081
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2019	4.695.987.806	11.067.300.717	822.657.633	35.714.435	16.621.660.591
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2019	29.281.277.457	29.802.015.591	690.138.888	37.671.625	59.811.103.561
Tại ngày 31/12/2019	296.182.743.289	97.614.174.238	7.904.049.051	31.000.165	401.731.966.743

Nguyên giá tài sản thế chấp các khoản vay:

GTCL tài sản thế chấp các khoản vay:

392.474.985.445
379.369.484.952

5.9 Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất (VND)	Phần mềm máy tính (VND)	TSCĐVH khác (VND)	Tổng cộng (VND)
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại ngày 01/01/2019	-	5.450.000.000	-	5.450.000.000
- Mua trong năm	-	8.890.000.000	-	8.890.000.000
Số dư tại ngày 31/12/2019	-	14.340.000.000	-	14.340.000.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại ngày 01/01/2019	-	208.541.667	-	208.541.667
- Khấu hao trong năm	-	308.046.590	-	308.046.590
Số dư tại ngày 31/12/2019	-	516.588.257	-	516.588.257
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2019	-	5.241.458.333	-	5.241.458.333
Tại ngày 31/12/2019	-	13.823.411.743	-	13.823.411.743

5.10 Chi phí trả trước

	31/12/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
a) Ngắn hạn	-	167.569.699
Công cụ, dụng cụ	-	167.569.699
b) Dài hạn	15.093.099.631	2.416.798.248
Công cụ, dụng cụ	14.917.623.168	2.416.798.248
Chi phí bảo hiểm	175.476.463	-
Cộng	15.093.099.631	2.584.367.947

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYỄN

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B 09 – DN

5.11 Vay và nợ thuê tài chính

	01/01/2019		31/12/2019			
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Tăng trong năm (VND)	Giảm trong năm (VND)	Giá trị	Khả năng trả nợ
a) Gốc vay ngắn hạn	10.100.432.473	10.100.432.473	91.085.168.282	71.136.088.042	30.049.512.713	30.049.512.713
(i) Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn – CN Thái Nguyên	9.999.544.856	9.999.544.856	37.010.145.167	26.952.868.433	20.056.821.590	20.056.821.590
(ii) Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh - CN Thái Nguyên	100.887.617	100.887.617	1.597.998.109	1.600.734.782	98.150.944	98.150.944
(iii) Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên	-	-	19.777.025.006	9.882.484.827	9.894.540.179	9.894.540.179
Vay cá nhân	-	-	32.700.000.000	32.700.000.000	-	-
b) Gốc vay dài hạn	40.477.460.876	40.477.460.876	292.403.016.404	50.196.000.000	282.684.477.280	282.684.477.280
(iv) Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Thái Nguyên	-	-	113.523.080.740	-	113.523.080.740	113.523.080.740
(v) Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thái Nguyên	-	-	30.879.935.664	2.808.000.000	28.071.935.664	28.071.935.664
(vi) Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN tỉnh Thái Nguyên	40.477.460.876	40.477.460.876	18.000.000.000	47.388.000.000	11.089.460.876	11.089.460.876
(vii) Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên	-	-	130.000.000.000	-	130.000.000.000	130.000.000.000
Cộng	50.577.893.349	50.577.893.349	383.488.184.686	121.332.088.042	312.733.989.993	312.733.989.993

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính



CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYỄN

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

Mẫu số B 09 – DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.11 Vay và nợ thuế tài chính (tiếp theo)**c) Phân loại vay dài hạn đến hạn trả**

	01/01/2019 (VND)		31/12/2019 (VND)	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN tỉnh Thái Nguyên	14.388.000.000	14.388.000.000	10.813.460.876	10.813.460.876
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thái Nguyên	-	-	5.616.000.000	5.616.000.000
Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên	-	-	15.627.618.774	15.627.618.774
Cộng	14.388.000.000	14.388.000.000	32.057.079.650	32.057.079.650
d) Số dư tại thời điểm lập báo cáo tài chính				
d1 Vay ngắn hạn (d1 = a+c)	24.488.432.473	24.488.432.473	62.106.592.363	62.106.592.363
d2 Vay dài hạn (d2 = b-c)	26.089.460.876	26.089.460.876	250.627.397.630	250.627.397.630
Cộng	50.577.893.349	50.577.893.349	312.733.989.993	312.733.989.993

Giao dịch vay với các bên liên quan:

	01/01/2019 (VND)	Phát sinh tăng (VND)	Phát sinh giảm (VND)	31/12/2019 (VND)
Ông Hoàng Tuyên	-	1.000.000.000	1.000.000.000	-
Ông Đào Mạnh Duy	-	13.000.000.000	13.000.000.000	-
Ông Nguyễn Văn Thủy	-	700.000.000	700.000.000	-
Ông Lương Đình Hiền	-	18.000.000.000	18.000.000.000	-
Cộng	-	32.700.000.000	32.700.000.000	-

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYỄN

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.11 Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

- (i) Hợp đồng tín dụng số 8500LAV201800992 ngày 15/10/2018 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh tỉnh Thái Nguyên. Hạn mức tín dụng 10.000.000.000 VND. Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ khám chữa bệnh. Thời hạn hiệu lực mức cấp tín dụng là 12 tháng, thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ tối đa 4 tháng. Lãi suất cho vay trong hạn được quy định cụ thể trong từng Giấy nhận nợ.
- (ii) Hợp đồng cấp tín dụng số 9378/18MB/HĐTD ngày 26/12/2018 tại Ngân hàng TMCP Phát triển TP HCM - CN Thái Nguyên. Hạn mức thấu chi thanh toán là 415.000.000 VND. Mục đích sử dụng: Bổ đắp vốn lưu động thiếu hụt tạm thời để thanh toán tiền điện, bên được cấp tín dụng chỉ được sử dụng hạn mức thấu chi thanh toán tiền điện cho mục đích thanh toán các hóa đơn tiền điện phát sinh trong kỳ kinh doanh, phục vụ việc sản xuất kinh doanh. Thời hạn của hạn mức thấu chi thanh toán tiền điện là 12 tháng. Lãi suất trong hạn là 10%/năm, nếu có sự điều chỉnh lãi suất, Ngân hàng sẽ thông báo trước thời điểm áp dụng mức lãi suất điều chỉnh như trên.
- (iii) Vay ngắn hạn theo hợp đồng hạn mức số: VN 119000655 ngày 20/3/2019 với Ngân hàng TNHH MTV Vvooi Việt Nam – Chi nhánh Thái Nguyên. Hạn mức tín dụng 10.000.000.000 VND. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Thời hạn duy trì hạn mức từ ngày 20/3/2019 đến ngày 20/3/2020. Lãi suất cho vay: Lãi suất tiền gửi kỳ hạn 03 tháng cộng 4,7% một năm.
- (iv) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thái Nguyên theo hợp đồng tín dụng số 01/2019/5745705/HĐTD ngày 26/8/2019. Hạn mức vay: 200.000.000.000 đồng. Mục đích khoản vay: Đầu tư xây dựng Bệnh viện quốc tế Thái Nguyên giai đoạn II. Thời hạn vay: 96 tháng. Lãi suất cho vay trong 12 tháng đầu tiên là 8,2%/năm, 12 tháng tiếp theo là 8,3%/năm; lãi suất vay thời gian còn lại được thả nổi theo công thức quy định trong hợp đồng vay. Tài sản bảo đảm: Toàn bộ tài sản hình thành từ Dự án Đầu tư xây dựng Bệnh viện quốc tế Thái Nguyên giai đoạn II và các tài sản khác của Công ty phục vụ vận hành dự án.
- (v) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Thái Nguyên theo hợp đồng cho vay số: 5956.19.093.1699479.TD ngày 5/3/2019. Hạn mức 35.000.000.000 VND. Mục đích vay: Thanh toán mua máy móc thiết bị phục vụ hoạt động khám chữa bệnh của Bệnh viện quốc tế Thái Nguyên. Thời hạn vay tối đa 72 tháng. Lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Tài sản bảo đảm được quy định tại Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị hình thành trong tương lai số: 6113.19.093.1699479.BĐ.
- (vi) Hợp đồng cấp tín dụng số 8500-LAV-201300658 ngày 06/11/2013: Hạn mức tín dụng 20.000.000.000 đồng. Mục đích vay để thanh toán các chi phí đầu tư xây dựng mua máy móc thiết bị. Hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 06/11/2020. Lãi suất thả nổi, xác định bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng tại Agribank Thái Nguyên công bố tại thời điểm xác định lãi suất cộng thêm biên độ 5%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYỄN

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B 09 – DN

5.11 Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

Hợp đồng cấp tín dụng số 8500-LAV-201400342 ngày 23/06/2014. Hạn mức tín dụng 27.000.000.000 đồng. Mục đích vay để thanh toán các chi phí mua máy móc thiết bị y tế, xây dựng lắp đặt các công trình. Hạn trả nợ cuối cùng vào 09/11/2020. Lãi suất thả nổi, xác định bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng tại Agribank Thái Nguyên công bố tại thời điểm xác định lãi suất cộng thêm biên độ 4,5%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp. Các giấy nhận nợ theo hợp đồng tín dụng số 8500-LAV-201300688 ngày 19/11/2013 được chuyển sang theo dõi tại hợp đồng này.

Hợp đồng cấp tín dụng số 8500-LAV-201700745 ngày 14/08/2017. Hạn mức tín dụng 700.000.000 đồng. Mục đích vay để đầu tư mua Hệ thống máy siêu âm 4 chiều. Thời hạn cho vay: 60 tháng. Lãi suất thả nổi, xác định bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng tại Agribank Thái Nguyên công bố tại thời điểm xác định lãi suất cộng thêm biên độ 3,5%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp.

(vii) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam – Chi nhánh Thái Nguyên theo hợp đồng số: VN119000653 ngày 20/3/2019. Hạn mức cho vay 130.000.000.000 VND. Mục đích vay: Đầu tư tài sản cố định Dự án Bệnh viện Đa khoa Yên Bình – Thái Nguyên. Kỳ hạn vay: 72 tháng. Lãi suất vay: Lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng cộng (+) 3,5% một năm. Biện pháp bảo đảm:

- Tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai trên Thửa đất số 563 tại Xã Nam Tiến, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên, theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CQ 026290 do UBND tỉnh Thái Nguyên cấp.
- Máy móc, thiết bị hình thành trong tương lai thuộc quyền sở hữu của Bên vay/ bên thứ ba nhằm mục đích triển khai và vận hành dự án.
- Máy móc, thiết bị, tài sản đã hình thành thuộc quyền sở hữu của Bên vay/ bên thứ ba nhằm mục đích triển khai và vận hành dự án.
- Các Quyền tài sản phát sinh từ Dự án nhằm mục đích triển khai, thực hiện và vận hành Dự án.
- Các tài sản khác được hình thành từ vốn vay của Bên Cho vay, bao gồm các tài sản, quyền tài sản đã, đang và sẽ hình thành từ vốn vay của Bên Cho vay; các tài sản, quyền tài sản thay thế, bổ sung, luân chuyển, hình thành từ tài sản hình thành từ vốn vay và nguồn thu hình thành từ phương án vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.12 Phải trả người bán

	31/12/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn	20.741.882.325	20.741.882.325	9.719.671.231	9.719.671.231
Công ty Cổ phần Dược Phẩm và Thiết bị y tế Á Châu	681.239.443	681.239.443	1.230.139.978	1.230.139.978
Công ty TNHH Minh Lộ	-	-	5.270.000.000	5.270.000.000
Công ty TNHH Công nghệ điện tử - phần mềm và viễn thông LIFETEK	5.250.000.000	5.250.000.000	-	-
Công ty TNHH Tư vấn thiết kế XD Sông Đà Việt Đức	2.437.286.462	2.437.286.462	-	-
Hộ kinh doanh TBYT Việt Hà - Phan Thị Chung	3.150.000.000	3.150.000.000	-	-
Các khách hàng khác	9.223.356.420	9.223.356.420	3.219.531.253	3.219.531.253
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	20.741.882.325	20.741.882.325	9.719.671.231	9.719.671.231

5.13 Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
a) Ngắn hạn	-	-
b) Dài hạn	2.380.000.000	-
Cho thuê mặt bằng	2.380.000.000	-
Cộng	2.380.000.000	-

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

27

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYỄN

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B 09 – DN

5.14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**a) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	01/01/2019 (VND)	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2019 (VND)
Thuế giá trị gia tăng	4.571.184	249.418.186	10.070.377	243.918.993
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.483.636.730	4.517.868.625	4.987.419.870	4.014.085.485
Thuế thu nhập cá nhân	61.145.049	229.714.421	199.647.043	91.212.427
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	32.839.400	32.839.400	-
Thuế môn bài	-	4.000.000	4.000.000	-
Cộng	4.549.352.963	5.033.840.632	5.233.976.690	4.349.216.905

b) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

Cộng	-	-	-	-
-------------	---	---	---	---

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế (kể từ khi đi vào hoạt động đến thời điểm kết thúc năm tài chính 2019 này, Công ty chưa được Cơ quan thuế thực hiện quyết toán thuế). Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.15 Người mua trả tiền trước

	31/12/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn	6.702.406.201	6.702.406.201	5.035.484.514	5.035.484.514
Bảo hiểm xã hội tỉnh Thái Nguyên	6.699.244.508	6.699.244.508	5.004.706.698	5.004.706.698
Khách hàng khác	3.161.693	3.161.693	30.777.816	30.777.816
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	6.702.406.201	6.702.406.201	5.035.484.514	5.035.484.514

5.16 Phải trả khác

	31/12/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
a) Ngắn hạn	46.787.026	3.800.196.603
Phải trả UBND tỉnh Bắc Kạn	-	3.774.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	46.787.026	26.196.603
b) Dài hạn	-	-
Cộng	46.787.026	3.800.196.603

5.17 Vốn chủ sở hữu*Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (VND)	LNST chưa phân phối (VND)	Tổng cộng (VND)
Số dư tại ngày 01/01/2018	350.000.000.000	8.309.552.601	358.309.552.601
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	81.391.610.568	81.391.610.568
Số dư tại ngày 01/01/2019	350.000.000.000	89.701.163.169	439.701.163.169
Tăng vốn trong năm nay (*)	65.000.000.000	-	65.000.000.000
Lãi trong năm nay	-	88.831.873.237	88.831.873.237
Phân phối lợi nhuận (*)	-	(65.000.000.000)	(65.000.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2019	415.000.000.000	113.533.036.406	528.533.036.406

(*) : Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ-TNH ngày 22/03/2019.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Chi tiết số dư vốn góp của các cổ đông

	31/12/2019	01/01/2019
	(VND)	(VND)
Ông Hoàng Tuyên	79.725.800.000	133.000.000.000
Ông Lương Đình Hiền	-	52.500.000.000
Ông Nguyễn Vũ Phương	-	70.000.000.000
Ông Nguyễn Văn Thủy	23.464.000.000	35.000.000.000
Ông Lê Xuân Tân	15.882.000.000	17.500.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	8.300.000.000	7.000.000.000
Ông Hoàng Thao	23.567.000.000	-
Ông Nguyễn Xuân Đôn	16.473.000.000	-
Ông Vũ Văn Thành	22.992.440.000	-
Ông Đào Duy Mạnh	18.925.000.000	-
Ông Nguyễn Xuân Hiệp	18.000.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Ngọc Thu	37.460.000.000	35.000.000.000
Các Cổ đông khác	150.210.760.000	-
Cộng	415.000.000.000	350.000.000.000

Cổ phiếu

	31/12/2019	01/01/2019
Số lượng CP đăng ký phát hành	41.500.000	35.000.000
Số lượng CP đã bán ra công chúng	41.500.000	35.000.000
Cổ phiếu phổ thông	41.500.000	35.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	41.500.000	35.000.000
Cổ phiếu phổ thông	41.500.000	35.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
Doanh thu cung cấp dịch vụ	275.448.933.320	269.650.034.832
Cộng	275.448.933.320	269.650.034.832
6.2 Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ		
	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	167.022.154.356	176.662.486.606
Cộng	167.022.154.356	176.662.486.606
6.3 Doanh thu hoạt động tài chính		
	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
Lãi tiền gửi	4.740.652	3.258.811
Cộng	4.740.652	3.258.811
6.4 Chi phí tài chính		
	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
Lãi tiền vay	8.392.045.670	3.860.566.959
Cộng	8.392.045.670	3.860.566.959
6.5 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	6.462.577.738	3.242.409.640
Chi phí nhân viên	4.461.263.005	2.740.762.755
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	-
Thuế phí và lệ phí	4.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	962.773.704	178.949.308
Chi phí khác bằng tiền	1.034.541.029	319.697.577
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	-	-
c) Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-
Cộng	6.462.577.738	3.242.409.640

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

31

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

6.6 Thu nhập khác	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
Thanh lý nhượng bán TSCĐ	13.600.000	-
Cộng	13.600.000	-
6.7 Chi phí khác	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
Các khoản nộp phạt	240.754.346	8.800.000
Cộng	240.754.346	8.800.000
6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	93.349.741.862	85.879.030.438
Các khoản điều chỉnh tăng/ giảm	248.531.836	3.869.366.959
- Chi phí không được trừ	248.531.836	3.869.366.959
- Các khoản khác	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	93.598.273.698	89.748.397.397
Thu nhập miễn thuế	3.240.901.198	-
Thu nhập tính thuế	90.357.372.500	89.748.397.397
Chi phí thuế TNDN hiện hành (sau khi đã giảm 50%)	4.517.868.625	4.487.419.870
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế TNDN của năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.517.868.625	4.487.419.870
6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
a) Chi phí sản xuất, KD theo yếu tố		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	27.199.286.525	18.494.930.141
Chi phí nhân công	33.561.282.311	22.116.153.534
Chi phí khấu hao TSCĐ	5.637.184.671	3.464.726.777
Chi phí dịch vụ mua ngoài	104.069.788.827	132.010.959.134
Chi phí khác bằng tiền	3.017.189.760	3.818.126.660
b) Các khoản ghi giảm chi phí	-	-
Cộng	173.484.732.094	179.904.896.246

6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	88.831.873.237	81.391.610.568
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	88.831.873.237	81.391.610.568
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	41.500.000	35.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.141	2.325

7 NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.1 Báo cáo bộ phận

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chỉ là dịch vụ khám, chữa bệnh, do đó không trình bày báo cáo bộ phận.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo thứ yếu): Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong năm tài chính kết thúc vào 31 tháng 12 năm 2019, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chỉ diễn ra tại tỉnh Thái Nguyên nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận thứ yếu (theo khu vực địa lý).

7.2 Thông tin về các bên có liên quan

Các bên liên quan:

Các bên được coi là bên liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019:

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
Thu nhập của Ban Tổng giám đốc và HĐQT	1.513.684.358	785.818.982
Cộng	1.513.684.358	785.818.982

Giao dịch mua phát sinh năm 2019:

	Mối quan hệ	Số tiền (VND)
Mua của Công ty CP Thăng Long HDI	Cùng thành viên lãnh đạo	957.597.214
<i>Chi tiết: Mua vật tư, hóa chất, công cụ y tế</i>		957.597.214
Mua của Công ty TNHH Xuân Thủy	Cùng thành viên lãnh đạo	291.306.235.850
<i>Chi tiết: Thi công xây lắp công trình Bệnh viện Đa khoa Yên Bình</i>		291.306.235.850
Cộng		292.263.833.064

7.3 Sự kiện quan trọng phát sinh trong năm tài chính

Bệnh viện Đa Khoa Yên Bình Thái Nguyên (thuộc Công ty cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên), địa chỉ tại xóm Chùa, xã Nam Tiến, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên được Bộ trưởng Bộ Y tế cấp Giấy phép hoạt động khám, chữa bệnh số 261/BYT-GPHĐ ngày 04/12/2019 và chính thức đi vào hoạt động ngày 13/12/2019.

Ngày 14 tháng 11 năm 2019, Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước đã có Công văn số 6885/UBCK-GSDC về việc Đăng ký hồ sơ công ty đại chúng của Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên.

7.4 Thông tin so sánh

Số liệu được dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

Thái Nguyên, ngày 29 tháng 5 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

CHỦ TỊCH HĐQT



NGUYỄN THU THỦY

LÊ THỊ THÚY AN

HOANG TUYỀN